

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

Số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31/10/2019

V/v: *Ly hôn giữa chị T với
anh D*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Vân

2. Ông Nguyễn Hiếu Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Quang Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2019 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1995 (Có mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn X, xã N, huyện T, Thành phố H.

Hiện trú tại: Thôn Đ, xã K, huyện T, Thành phố H

Bị đơn: Anh Phạm Đình D, sinh năm 1996 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn X, xã N, huyện T, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Lê Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06 tháng 7 năm 2016, chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Đình D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, TP. H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị T và anh D sống cùng với bà nội anh D tại thôn X, xã N, huyện T, Thành phố

H. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, do anh D đã có hành động và lời nói không đúng mực đối với chị T dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi nhau. Chị T và anh D đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 7/2019. Do chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Đình D có một con chung là cháu Phạm Bình A, sinh ngày 21/5/2016. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh D phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Đình D không đến Tòa án làm việc theo giấy báo, theo các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh D về việc giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đào Thị T là bà nội của anh D cho biết: Sau khi kết hôn, anh D và chị T sống cùng bà tại thôn X, xã N, huyện T, TP. H. Do bất đồng quan điểm sống, do tính cách trẻ con và do ghen tuông nên chị T và anh D có cãi nhau, đánh nhau. Chị T đã bỏ về nhà mẹ sống được khoảng 3 tháng. Trong thời gian này, anh D có lên đón chị T về nhưng chị T không về.

Qua xác minh, Ủy ban nhân dân xã N cung cấp: Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Đình D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, H vào ngày 06/7/2016. Sau khi kết hôn, chị T và anh D sống tại thôn X, xã N, huyện T, H. Do mâu thuẫn trong quá trình sống chung dẫn đến hai bên thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không tự hòa giải được nên chị T đã nộp đơn xin ly hôn anh D tại Tòa án nhân dân huyện T và không qua thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã N. Chị T và anh D có một con chung là cháu Phạm Bình A, sinh ngày 21/5/2016. Cháu A đang ở cùng chị T. Ủy ban nhân dân xã N đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự. Đại diện Viện kiểm sát nhân

dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Đình D; Về con chung: Giao cháu Phạm Bình A, sinh ngày 21/5/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D có quyền thăm hỏi con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Lê Thị Thu T đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn với anh Phạm Đình D, sinh năm 1996, có địa chỉ tại thôn X, xã N, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

3] Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Đình D đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, Thành phố H. Chị T và anh D kết hôn tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự bất đồng trong quan điểm sống giữa hai vợ chồng. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan

hệ tình cảm từ tháng 7/2019. Tòa án tiến hành hòa giải để chị T và anh D đoàn tụ nhưng không thành do chị Thủy cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn và anh D không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không tham gia các buổi hòa giải theo giấy báo của Tòa án.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Thu T đã căng thẳng, cả hai đã sống ly thân, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh D và cương quyết xin ly hôn anh D. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị T được ly hôn anh D là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Đình D có một con chung là cháu Phạm Bình A, sinh ngày 21/5/2016. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cháu A. Mặt khác, do anh D vắng mặt nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh D về vấn đề nuôi con chung sau khi ly hôn nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác là đúng với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu anh Phạm Đình D phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Phạm Đình D đối với cháu Phạm Bình A cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

3.4] Về tài sản vợ chồng: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.5] Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

3.6] Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị Thu T và anh Phạm Đình D có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Phạm Đình D.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Phạm Bình A, sinh ngày 21/5/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn của anh Phạm Đình D đối với cháu Phạm Bình A cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của anh Phạm Đình D được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0012013 ngày 08/8/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Hòa